

Công ty TNHH ABC tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, có tài liệu về thiết bị sản xuất mua ngoài dùng cho bộ phận sản xuất như sau:

1. Ngày 20/3/2021, công ty mua thiết bị đưa vào lắp đặt, tổng số tiền phải thanh toán ghi trên hóa đơn của người bán bao gồm thuế GTGT 10% là 396.000.000. Hóa đơn đã thanh toán bằng tiền mặt cho bên vận chuyển 2.750.000 (bao gồm thuế GTGT 10%)
2. Ngày 11/4/2021 xuất vật liệu phục vụ cho việc chạy thử 8.000.000
3. Ngày 15/4/2021 hoàn thành việc chạy thử, công ty hỗ trợ cho nhân viên tham gia lắp đặt, chạy thử bằng tiền mặt 12.000.000
4. Ngày 19/4/2021 bàn giao và đưa thiết bị sản xuất vào sử dụng cho phân xưởng 1. Công ty xác định thời gian sử dụng dự kiến của thiết bị sản xuất là 10 năm, tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng 5. Ngày 19/4/2021 chuyển khoản thanh toán cho người bán sau khi trừ chiết khấu thanh toán được hưởng 1,5%

Yêu cầu:

1. Xác định nguyên giá của thiết bị sản xuất, biết thiết bị này sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT
2. Định khoản và phản ánh vào tài khoản các nghiệp vụ phát sinh
3. Tính mức khấu hao của thiết bị trong 1 năm. Tính mức khấu hao của thiết bị trong tháng 4/2021, và các tháng sau đó trong năm 2021 5. Giả sử đến 21/11/2015 công ty quyết định nhượng bán thiết bị trên. Công ty TNHH HL chấp nhận mua với tổng giá thanh toán 264.000.000 (bao gồm thuế GTGT 10% đã xuất hóa đơn). Hóa đơn đã thanh toán cho bên môi giới bằng tiền mặt 5.500,000 (bao gồm thuế GTGT 10%).

Nguyên giá của thiết bị sản xuất bao gồm: Giá mua chưa bao gồm thuế GTGT: 360.000.000 Chi phí vận chuyển chưa bao gồm thuế GTGT: 2.500.000 Chi phí vật liệu phục vụ cho việc chạy thử: 8.000.000 Chi phí lắp đặt chạy thử là: 12.000.000 Nguyên giá của thiết bị sản xuất = 360.000.000 + 2.750.000 + 8.000.000 + 12.000.000 = 382.500.000 VNĐ

Yêu cầu 2: Định khoản các nghiệp vụ phát sinh

1. Ngày 20/3/2021

a. Phản ánh giá mua

Nợ TK 241: 360.000.000

Nợ TK 133: 36.000.000

Có TK 331: 396.000.000

b. Phản ánh chi phí vận chuyển

Nợ TK 241: 2.500.000

Nợ TK 133: 250.000

Có TK 331: 2.750.000

2. Ngày 11/4/2021 xuất vật liệu phục vụ việc chạy thử 8.000.000

Nợ TK 241: 8.000.000

Có TK 152: 8.000.000

3. Ngày 15/4/2021 hoàn thành việc chạy thử, công ty hỗ trợ cho nhân viên tham gia lắp đặt, chạy thử bằng tiền mặt 12.000.000

Nợ TK 241: 12.000.000

Có TK 111: 12.000.000

4. Ngày 19/4/2021 bàn giao và đưa thiết bị sản xuất vào sử dụng cho phân xưởng

1. Công ty xác định thời gian sử dụng dự kiến của thiết bị sản xuất là 10 năm, tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng Nợ TK 211: 382.500.000 Có TK 241: 382.500.000 5. Ngày 19/4/2021 chuyển khoản thanh toán cho người bán sau khi trừ chiết khấu thanh toán được hưởng 1,5%

Nợ TK 331: 396.000.000

Có TK 515: 5.940.000

Có TK 112: 390.060.000

Yêu cầu 3: Tính mức khấu hao của thiết bị sản xuất trong 1 năm, 1 tháng . Mức khấu hao TSCĐ bình quân năm =  $382.500.000 / 10 = 38.250.000$  Mức khấu hao TSCĐ bình quân tháng =  $38.250.000 / 12 = 3.187.500$

Yêu cầu 4: Tính mức khấu hao của thiết bị trong tháng 4.2021 và các tháng sau đó trong năm 2021 Số ngày phải trích khấu hao TSCĐ trong tháng 4 =  $30 - 19 + 1 = 12$  Mức khấu hao tháng 4/2021 =  $(3.187.500 / 30) \times 12 = 1.275.000$  Mức khấu hao tháng 5/2021, ... = Mức khấu hao TSCĐ bình quân tháng = 3.187.500

Yêu cầu 5: Tính giá trị hao mòn của thiết bị sản xuất đến ngày 21/11/2015 Giá trị hao mòn năm 2021 =  $1.275.000 + 8 \times 3.187.500 = 26.755.000$  Giá trị hao mòn năm 2022 = 38.250.000 Giá trị hao mòn năm 2023 = 38.250.000 Giá trị hao mòn năm 2024 = 38.250.000 Giá trị hao mòn năm 2025 =  $3.187.500 \times 10 + 20 \times 3.187.500 / 30 = 34.000$ .

Như vậy giá trị hao mòn lũy kế tới ngày 21/11/2015 =  $26.755.000 + 38.250.000 + 38.250.000 + 38.250.000 + 34.000.000 = 175.505.000$  VNĐ Nguyên giá của thiết bị sản xuất : 382.500.000 Giá trị hao mòn lũy kế : 175.505.000 Giá trị còn lại:  $382.500.000 - 175.505.000 = 206.995.000$

a. Xóa sổ tài sản cố định

Nợ TK 811: 206.995.000

Nợ TK 214: 175.505.000

Có TK 211 (2): 382.500.000

b. Ghi nhận thu nhập từ nhượng bán tài sản cố định

Nợ TK 131: 264.000.000

Có TK 3331: 24.000.000

Có TK 711: 240.000.000

c. Ghi nhận chi phí cho nhượng bán:

Nợ TK 811: 5.000.000

Nợ TK 133: 500.000

Có TK 111: 5.500.000

Bài 2: Dạng bài tập tài sản cố định liên quan tới cách tính khấu hao theo sản lượng Tháng 01/2021, công ty TNHH Hà Phát mua máy ủi đất (mới 100%) với nguyên giá 450.000.000 VNĐ. Công suất thiết kế của máy ủi này là 30m<sup>3</sup>/giờ. Sản lượng theo công suất thiết kế của máy ủi này là 2.400.000 m<sup>3</sup>. Xác định mức khấu hao trích trong các tháng năm 2021. Biết công ty tính khấu hao theo phương pháp sản lượng và khối lượng sản phẩm đạt được trong năm thứ nhất của máy ủi này là:

Tháng 1 10.000 7 19.000 2 15.000 8 12.000 3 11.000 9 17.000 4 12.000 10 13.000 5 14.000 11 15.000 6 14.000 12 15.000 Bài làm Mức trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm của tài sản cố định này xác định như sau :

Mức trích khấu hao bình quân tính cho 1m<sup>3</sup> đất ủi = Nguyên giá của TSCĐ/Sản lượng theo công suất thiết kế của máy ủi =  $450.000.000 / 2.400.000 = 187,5đ/m^3$  Tháng Sản lượng thực tế tháng (m<sup>3</sup>) Mức trích khấu hao bình quân tính cho 1m<sup>3</sup> đất ủi Mức trích khấu hao tháng (VNĐ)

1	10.000	185,5	1.875.123
2	15.000	185,5	2.812.500
3	11.000	185,5	2.062.500
4	12.000	185,5	2.250.000
5	14.000	185,5	2.625.000
6	14.000	185,5	2.625.000
7	19.000	185,5	3.562.500
8	12.000	185,5	2.250.000
9	17.000	185,5	3.187.500
10	13.000	185,5	2.437.500
11	15.000	185,5	2.812.500
12	15.000	185,5	2.812.500

Tổng cộng cả năm 31.481.750

Bài 3: Dạng bài tập thanh lý, nhượng bán, góp vốn, lập bảng trích phân bổ tài sản cố định Công ty TNHH Hải HL tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, có tình hình về TSCĐ hữu hình đầu tháng 4/2021 như sau + TK 211 dự nợ đầu tháng: 3.688.000.000 + TK 2141 dự có đầu tháng: 1.865.000.000 + Tháng 3/2021 không có biến động về tài sản cố định và mức trích khấu hao tháng 3/2021 là 86.000.000, trong đó bộ phận sản xuất là 45.000.000; bộ phận bán hàng 13.000.000; bộ phận quản lý doanh nghiệp:

28.000.000 Trong tháng 4/2021 có các nghiệp vụ phát sinh như sau Ngày 7/4/2021 mua và đưa vào sử dụng một máy phát điện cho bộ phận sản xuất theo giá mua cả thuế GTGT 10% 363.000. Công ty đã chuyển khoản thanh toán cho người bán sau khi trừ chiết khấu thanh toán được hưởng 1% (tính trên tổng giá thanh toán). Chi phí phát sinh trước sử dụng bằng tiền mặt 2.400. Thời gian sử dụng dự kiến là 10 năm. Ngày 16/4 công ty thanh lý một thiết bị văn phòng có nguyên giá 180.000 đã trích khấu hao đủ từ tháng 12/2020. thanh lý bằng tiền mặt 3.000, số tiền mặt thu được từ thanh lý 9.350 (bao gồm cả thuế GTGT 10%) Ngày 21/4 công ty nhận vốn góp liên doanh bằng một phương tiện vận tải mới, dùng cho bộ phận bán hàng với giá trị vốn góp được xác định là 720.000.000. Các chi phí phát sinh trước sử dụng bằng tiền mặt là 18.000.000. Thời gian sử dụng là 8 năm Ngày 25/4 công ty bán một

thiết bị đã lỗi thời của bộ phận sản xuất, nguyên giá thiết bị 320.000.000, số khấu hao trích đến hết tháng 3/2021 là 290.000.000. Số tiền mặt chi ra thanh toán phục vụ hoạt động nhượng bán 6.000.000, Số tiền gửi thu được từ nhượng bán là 22.000.0000 đã bao gồm thuế GTGT 10%. Biết rằng thiết bị có thời gian sử dụng 8 năm

Yêu cầu: Định khoản và phản ánh vào tài khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh Lập bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ trong tháng 4/2020 cho các bộ phận sử dụng Xác định giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại thời điểm cuối tháng Bài làm Yêu cầu 1: Định khoản và phản ánh vào tài khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

1. Ngày 7/4/2021 mua và đưa vào sử dụng một máy phát điện cho bộ phận sản xuất theo giá mua cả thuế GTGT 10% 363.000. Công ty đã chuyển khoản thanh toán cho người bán sau khi trừ chiết khấu thanh toán được hưởng 1% (tính trên tổng giá thanh toán). Chi phí phát sinh trước sử dụng bằng tiền mặt 2.400.

Thời gian sử dụng dự kiến là 10 năm.

- a. Phản ánh giá mua
  - Nợ TK 211: 330.000.000
  - Nợ TK 133: 33.000.000
  - Có TK 331: 363.000.000
- b. Phản ánh việc thanh toán
  - Nợ TK 331: 363.000.000
  - Có TK 515: 3.630.000
  - Có TK 112: 359.370.000
- c. Phản ánh chi phí phát sinh trước sử dụng
  - Nợ TK 211: 2.400.000
  - Có TK 111: 2.400.000

2. Ngày 16/4 công ty thanh lý một thiết bị văn phòng có nguyên giá 180.000 đã trích khấu hao đủ từ tháng 12/2020. Chi phí thanh lý bằng tiền mặt 3.000, số tiền mặt thu được từ thanh lý 9.350.000 (bao gồm :

Định khoản như sau:

BT1: Xóa sổ tài sản cố định

Nợ TK 214: 180.000.000

Có TK 211: 180.000.000

BT2: Phản ánh chi phí thanh lý

Nợ TK 811: 3.000.000

Có TK 111: 3.000.000

BT3: Phản ánh thu nhập từ thanh lý

Nợ TK 111: 9.350.000

Nợ TK 133: 850.000

Có TK 711: 8.500.000

2. Ngày 21/4 công ty nhận vốn góp liên doanh bằng một phương tiện vận tải mới, dùng cho bộ phận bán hàng với giá trị vốn góp được xác định là 720.000.000. Các chi phí phát sinh trước sử dụng bằng tiền mặt là 18.000.000.  
Thời gian sử dụng là 8 năm

- a. Phản ánh giá trị TSCĐ nhận góp vốn liên doanh

Nợ TK 211: 720.000.000

Có TK 411: 720.000.000

- b. Phản ánh chi phí phát sinh trước sử dụng bằng tiền mặt

Nợ TK 211: 18.000.000

Có TK 111: 18.000.000

3. Ngày 25/4 công ty bán một thiết bị đã lỗi thời của bộ phận sản xuất, nguyên giá thiết bị 320.000.000, số khấu hao trích đến hết tháng 3/2021 là 290.000.000. Số tiền mặt chi ra thanh toán phục vụ hoạt động nhượng bán 6.000.000, Số tiền gửi thu được từ nhượng bán là 22.000.000 đã bao gồm thuế GTGT 10%. Biết rằng thiết bị có thời gian sử dụng 8 năm Tính số khấu hao trích đến ngày 25/4/2021: Tính mức khấu hao trung bình hàng năm =  $320.000.000 / 8 = 40.000.000$  Tính mức khấu hao trung bình hàng tháng =  $40.000.000 / 12 = 3.333.333$  Mức trích khấu hao đến hết ngày 25/4 =  $(25+1) * (3.333.333 / 30) = 2.888.889$  BT1: Xóa sổ TSCĐ

Nợ TK 214: 290.000.000 + 2.888.889 = 298.888.889

Nợ TK 811: 320.000.000 – 298.888.889 = 27.111.111

Có TK 211: 320.000.000

- Bt2: Phản ánh chi phí nhượng

Nợ TK 811: 6.000.000

Có TK 111: 6.000.000 B

- T3: Phản ánh thu nhập từ nhượng bán

Nợ TK 112: 22.000.000

Nợ TK 133: 2.000.000

Có TK 711: 20.000.000

Yêu cầu 2: Lập bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ trong tháng 4/2020 cho các bộ phận sử dụng Căn cứ và bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, kế toán đưa khấu hao TSCĐ trong tháng vào chi phí Nợ TK 627: 46.549.000 Nợ TK 641: 15.563.000 Nợ TK 642: 28.000.000 Có TK 214: 90.112.000

Yêu cầu 3 :

Giá trị còn lại = Nguyên giá TSCĐ – Giá trị hao mòn lũy kế =  $4.240.440.000 - 1.482.445 = 2.757.955.000$

Trong đó Nguyên giá số dư cuối kỳ của tài khoản 211 = 4.240.400.000 Giá trị hao mòn lũy kế số dư cuối kỳ của TK 2131 = 1.482.445.000